

Bản án số: **46/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 26/3/2021
V/v Tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Võ Văn Cường**.

+ Ông **Huỳnh Văn Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiền** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 682/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Châu Khánh L**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Trần Phước T**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

ĐKKHKT: Ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Châu Khánh L trình bày:*

- Chị Châu Khánh L với anh Trần Phước T cưới nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xảy ra xung đột và do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài và thường hay bạo hành gia đình, nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ khoảng tháng 6/2020 đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Trần Phước V, sinh ngày 27/10/2008 và Trần Ngọc T, sinh ngày 07/9/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được

tiếp tục nuôi hai con chung, và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1 con chung kể từ khi ly hôn đến khi con anh chị trưởng thành lao động được.

-Về tài sản chung,nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần Phước T dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị L và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh cũng như yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Trần Phước T có địa chỉ tại ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đối với anh Trần Phước T dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị L và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L. Do đó Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T cưới nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Theo chị L khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra xung đột và do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài không chăm lo gia đình vợ con, nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Xét thấy chị L và anh T cưới nhau năm 2006 có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị L cương quyết ly hôn, còn anh T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị L, xem như anh từ bỏ việc bảo vệ quyền lợi cho anh. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung tên anh chị có hai con chung tên Trần Phước V, sinh ngày 27/10/2008 và Trần Ngọc T, sinh ngày 07/9/2012. Khi ly

hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung. Nhận thấy từ khi ly thân đến nay chị L là người trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn chị L yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung. Còn anh T cũng không có ý kiến gì về con chung, nếu anh chị L hôn. Nhận thấy từ khi ly thân đến nay chị L là người trực tiếp nuôi hai con chung đã ổn định. Mặt khác tại bản tự khai ngày 26/3/2021 của Trần Phước V và Trần Ngọc T có ý kiến là được sống với chị L nếu cha mẹ ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị L là giao con chung của anh chị cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Xét về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L:

Do giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng nên anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác lương cơ bản hiện nay ngày một thay đổi theo chiều hướng tăng dần, giá cả thị trường cũng thay đổi theo. Chị L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1 con chung là có cơ sở nên được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung của anh chị, với mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi hai con chung của anh chị trưởng thành lao động được là phù hợp qui định tại Điều 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T phải chịu mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Châu Khánh L.

- Cho chị Châu Khánh L được ly hôn với anh Trần Phước T.

2. Về con chung: Giao hai con chung của anh chị tên Trần Phước V, sinh ngày 27/10/2008 và Trần Ngọc T, sinh ngày 07/9/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo qui định pháp luật.

Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Phước V, sinh ngày 27/10/2008 và Trần Ngọc T, sinh ngày 07/9/2012. Mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng/1 con chung.

Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung anh chị trưởng thành lao động được.

- Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004305, ngày 03/11/2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B, huyện C;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

PHẠM THANH DŨNG